

Bản án số: 269/2018/DS-PT

Ngày: 23-10-2018

"V/v Tranh chấp hợp đồng dân  
sự về hui"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn.

Ông Đinh Chí Tâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Ông Nguyễn Bình Thành – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hui”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 254/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Võ Ngọc T1, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: A (C), tổ Q, ấp T.L, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: B, tổ Q, ấp T.B, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Phan Thị Minh T2, sinh năm: 1979;

Đăng ký thường trú: F (E phụ), ấp P.T, xã T.P.Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ nơi ở: ấp T.B, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Nguyễn Ngọc D1, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: G, tổ V (X), ấp T.B, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Hồ Thị N2, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: Ấp P.H.X, xã P.L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.6. Trương Thị L1, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: H (C) tổ 13, ấp T.B, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.7. Lê Thị Hồng G, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Ấp P.H.X, xã P.L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.8. Nguyễn Thị Bé C, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: M, ấp P.B, xã P.L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm: 1981; Địa chỉ: N, ấp P.H.X, xã P.L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: O, ấp T.H, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Phạm Thạch H2, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: P, ấp T.B, xã T.N.Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Anh Phạm Thạch H2 (là bị đơn trong vụ án).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các đơn khởi kiện của các nguyên đơn, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn: Võ Ngọc T1, Nguyễn Thị Kim N1, Phan Thị Minh T2, Nguyễn Ngọc D1, Hồ Thị N2, Trương Thị L1, Lê Thị Hồng G, Nguyễn Thị Bé C cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc H1 trình bày:*

Năm 2014, các nguyên đơn có tham gia chơi các dây hội do bị đơn Nguyễn Thị Thanh X làm chủ hội, cụ thể như sau:

1) Bà Võ Ngọc T1 có chơi 01 dây hội loại 1.000.000đ/phần x 19 phần, mỗi tháng khui một lần khui lần đầu ngày 25/3/2015 âm lịch, hoa hồng cho chủ hội là 400.000 đồng mỗi lần khui hội. Bà T1 có đóng hội sống được 09 lần tổng cộng 5.655.000 đồng thì bà X tuyên bố bế hội. Quá trình bà X làm chủ hội thì ông H2 (chồng bà X) đều biết, ông H2 cũng đi lấy tiền hội sống của bà T1.

Nay bà T1 yêu cầu bà X, ông H2 liên đới trả số nợ hội còn thiếu 5.655.000 đồng.

2) Bà Nguyễn Thị Kim N1 có chơi 02 dây hội gồm:

- Dây thứ nhất: Loại hụi 1.000.000đ/phần x 15 phần, mỗi tháng khui một lần khui lần đầu ngày 30/10/2014 âm lịch, hoa hồng cho chủ hụi là 400.000 đồng mỗi lần khui hụi. Bà N1 tham gia một phần đóng hụi sống đầy đủ và hốt hụi lần cuối cùng được số tiền là 14.000.000 đồng, trừ hoa hồng 400.000 đồng còn được nhận 13.600.000 đồng nhưng bà X không giao tiền hụi. Sau đó bà X có trả cho bà N1 nhiều lần tổng cộng được 7.600.000 đồng, còn nợ 6.000.000 đồng đến nay.

- Dây hụi thứ hai: Loại hụi 500.000đ/phần x 16 phần, mỗi tháng khui một lần khui lần đầu ngày 05/5/2015 âm lịch, bà N1 tham gia một phần và đóng hụi sống được 09 lần được 3.000.000 đồng thì bà X tuyên bố bế hụi.

Sau khi bế hụi, 2 bên thống nhất bà X còn nợ bà N1 tiền hụi 2 dây hụi là 9.000.000 đồng. Vợ chồng bà X, ông H2 tổ chức chơi hụi nhưng để cho bà X đứng tên chủ hụi. Ông H2 (chồng bà X) có tổ chức bỏ thăm khui hụi, đi lấy tiền hụi sống của bà N1.

Nay bà N1 yêu cầu bà X, ông H2 liên đới trả số nợ hụi còn thiếu là 9.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

3) Bà Phan Thị Minh T2 có chơi 01 dây hụi loại 1.000.000đ/phần x 15 phần, mỗi tháng khui một lần khui lần đầu ngày 15/04/2015 âm lịch, hoa hồng cho chủ hụi là 400.000 đồng mỗi lần khui hụi. Bà T2 đóng được 10 lần thì bà X tuyên bố bế hụi.

Sau khi bế hụi, 2 bên thống nhất tiền nợ hụi là 10.000.000 đồng. Nay bà T2 xác định tiền hụi sống đã đóng tổng cộng 7.000.000 đồng. ông H2 có tham gia làm hụi với bà X, có tổ chức bỏ thăm khui hụi, đi lấy tiền hụi sống của bà T2.

Nay bà T2 yêu cầu bà X, ông H2 liên đới trả số nợ hụi còn thiếu là 7.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

4) Bà Nguyễn Ngọc D1 có chơi 01 dây hụi do bà X làm chủ hụi, loại 1.000.000đ/phần x 15 phần, mỗi tháng khui 01 lần, khui hụi lần đầu ngày 15/4/2014 âm lịch. Bà D1 chơi 01 phần, đã đóng hụi sống 10 lần thì bế hụi. Sau khi bế hụi, hai bên thống nhất bà X còn nợ và phải trả nợ hụi cho bà D1 là 7.000.000 đồng. Sau đó, bà X trả được 1.000.000 đồng, còn nợ 6.000.000 đồng đến nay. Ông H2 (chồng bà X) có tham gia tổ chức bỏ thăm khui hụi và lấy tiền hụi sống của bà D1. Nay bà D1 yêu cầu bà X, ông H2 liên đới trả số tiền nợ hụi là 6.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

5) Bà Hồ Thị N2 có chơi 02 dây hụi do bà X chủ hụi. Dây thứ nhất loại hụi 1.000.000đ/phần x 15 phần, mỗi tháng khui một lần khui lần đầu ngày 15/04/2015 âm lịch, bà N2 đóng được 10 lần hụi sống tổng cộng 7.025.000 đồng. Dây hụi thứ hai loại hụi 1.000.000đ/phần x 19 phần, mỗi tháng khui một lần khui lần đầu ngày 25/3/2015 âm lịch. Bà N2 tham gia hai phần, đóng được 11 lần hụi sống tổng cộng 15.400.000 đồng. Bà X và ông H2 tổ chức chơi hụi nhưng để cho bà X làm chủ hụi. Ông H2 cũng đi lấy tiền hụi sống của bà N2.

Nay bà N2 yêu cầu bà X và ông H2 liên đới trả tiền hội còn thiếu là 20.000.000 đồng.

6) Bà Trương Thị L1 có chơi 04 dây hội gồm:

- Dây thứ nhất: Loại hội 1.000.000đ/phần x 23 phần, mỗi tháng khai một lần khai lần đầu ngày 10/5/2014 âm lịch, hoa hồng cho chủ hội là 400.000 đồng mỗi lần khai hội. Bà L1 tham gia một phần đóng hội sống đầy đủ và hốt hội lần cuối cùng được số tiền là 22.000.000 đồng, trừ huê hồng 400.000 đồng còn được nhận 21.600.000đồng nhưng đến nay bà X, ông H2 chưa có giao tiền hội, còn nợ 21.600.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Loại hội 1.000.000đ/phần x 23 phần, mỗi tháng khai một lần khai lần đầu ngày 10/5/2014 âm lịch, hoa hồng cho chủ hội là 400.000 đồng mỗi lần khai hội, tham gia một phần đóng hội sống đầy đủ và hốt hội lần cuối cùng được số tiền là 22.000.000 đồng, trừ huê hồng 400.000 đồng còn được nhận 21.600.000 đồng nhưng đến nay bà X, ông H2 chưa giao hội, còn nợ tiền hội 21.600.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Loại hội 1.000.000đ/phần x 15 phần, mỗi tháng khai một lần khai lần đầu ngày 30/10/2014 âm lịch, hoa hồng cho chủ hội là 400.000 đồng mỗi lần khai hội. Bà L1 tham gia một phần đóng hội sống đầy đủ và hốt hội lần cuối cùng được số tiền là 14.000.000 đồng, trừ huê hồng 400.000 đồng còn được nhận 13.600.000 đồng nhưng đến nay bà X và ông H2 chưa có giao hội, còn nợ tiền hội 13.600.000 đồng.

- Dây hội thứ tư: Loại hội 1.000.000đ/phần x 17 phần, mỗi tháng khai một lần khai lần đầu ngày 20/01/2015 âm lịch, hoa hồng cho chủ hội là 400.000 đồng mỗi lần khai hội. Bà L1 đóng hội sống được 14 lần tổng cộng là 13.000.000 đồng thì bà X và ông H2 tuyên bố bế hội đến nay chưa trả số tiền 13.000.000 đồng.

Sau khi bế hội, 2 bên thống nhất tiền nợ hội 4 dây là 71.000.000 đồng. Sau đó bà X và ông H2 có trả được 15.700.000 đồng còn nợ lại 55.300.000 đồng. Quá trình chơi hội thì ông H2 (chồng bà X) đều biết, ông H2 cũng đi lấy tiền hội sống của bà L1.

Nay bà L1 yêu cầu bà X, ông H2 liên đới trả số nợ hội còn thiếu là 55.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

7) Bà Lê Thị Hồng G chơi 02 dây hội gồm:

- Dây thứ nhất: Loại hội 1.000.000đ/phần x 26 phần, mỗi tháng khai một lần khai lần đầu ngày 30/01/2014 âm lịch, hoa hồng cho chủ hội là 400.000 đồng mỗi lần khai hội. Bà G tham gia hai phần, đóng hội sống 02 phần đầy đủ và đều hốt hội cuối cùng. Trong đó phần hội thứ nhất: Hốt hội được 24.000.000 đồng, trừ hoa hồng 400.000 đồng và các khoản nợ các dây khác thì còn nhận 12.000.000 đồng nhưng bà X không giao hội đến nay còn nợ 12.000.000 đồng; phần hội thứ hai hốt hội được 25.000.000 đồng, trừ hoa hồng 400.000 đồng còn nhận 24.600.000 đồng nhưng bà X chưa giao hội, đến nay còn nợ 24.600.000

đồng. Tổng cộng 2 phần hụi bà X còn nợ 12.000.000 đồng + 24.600.000 đồng = 36.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai loại hụi 1.000.000đ/phần x 19 phần, mỗi tháng khui một lần khui lần đầu ngày 25/3/2015 âm lịch. Bà G tham gia một phần, đóng được 11 lần hụi sống x 75.000 đồng/lần (tính bình quân) = 8.250.000 đồng thì bà X tuyên bố bế hụi. Sau khi bế hụi, hai bên thống nhất bà X còn nợ tiền hụi 2 dây hụi tổng cộng là 48.000.000 đồng. Sau đó bà X và ông H2 có trả được 3.000.000 đồng còn nợ lại 45.000.000 đồng.

Quá trình chơi hụi thì ông H2 (chồng bà X) đều biết, ông H2 cũng tổ chức bốc thăm khui hụi, đi thu tiền hụi sống của bà G.

Nay bà G đồng ý giảm nợ thêm 4.000.000 đồng, và chỉ yêu cầu bà X, ông H2 liên đới trả nợ hụi còn thiếu là 41.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

8) Bà Nguyễn Thị Bé C có chơi 02 dây hụi gồm:

- Dây thứ nhất loại hụi 1.000.000đ/phần x 17 phần, mỗi tháng khui một lần khui lần đầu ngày 20/01/2015 âm lịch. Bà Bé C tham gia 01 phần đóng được 13 lần hụi sống x 75.000 đ/lần (tính bình quân) = 9.750.000 đồng thì bà X tuyên bố bế hụi.

- Dây hụi thứ hai loại hụi 500.000đ/phần x 16 phần, mỗi tháng khui một lần khui lần đầu ngày 05/5/2015 âm lịch. Bà Bé C tham gia một phần, đóng được 09 lần hụi sống x 400.000 đồng/lần (tính bình quân) = 3.600.000 đồng thì bà X tuyên bố bế hụi.

Nay bà Bé C yêu cầu bà X và ông H2 liên đới trả tiền hụi sống là 9.750.000đ + 3.600.000đ = 13.350.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thanh X thừa nhận bà T1 có chơi hụi đúng như bà T1 trình bày. Sau khi thống nhất nợ hụi là 5.655.000 đồng đến nay chưa trả. Nay bà X đồng ý liên đới trả cho bà T1 nợ hụi 5.655.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh X thừa nhận bà N1 có chơi hụi đúng như bà N1 trình bày. Sau khi thống nhất nợ hụi là 9.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay bà X đồng ý trả bà N1 nợ hụi 9.000.000 đồng, nhưng không yêu cầu ông H2 liên đới trả nợ hụi với bà X.

Bà Nguyễn Thị Thanh X thừa nhận có chơi hụi đúng như bà T2 trình bày. Sau khi thống nhất nợ hụi là 10.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay bà X, đồng ý trả cho bà T2 nợ hụi 7.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh X thừa nhận bà D1 có chơi hụi và bà X còn nợ hụi như bà D1 trình bày. Sau khi thống nhất nợ hụi là 7.000.000 đồng thì bà X đã trả cho bà H3 được 1.000.000 đồng, còn nợ 6.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay bà X đồng ý trả cho bà D1 nợ hụi 6.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh X thừa nhận bà N2 có chơi hụi đúng như bà N2 trình bày. Sau khi thống nhất nợ hụi là 21.000.000 đồng thì bà X có trả được

1.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng. Nay bà X đồng ý trả cho bà Hồ Thị N2 nợ hui 20.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh X thừa nhận bà L1 có chơi hui đúng như bà L1 trình bày. Sau khi thống nhất hui là 71.000.000 đồng thì bà X có trả được 15.700.000 đồng, còn lại 55.300.000 đồng đến nay chưa trả. Nay bà X đồng ý trả cho bà L1 nợ hui 55.300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh X thừa nhận bà G có chơi hui đúng như bà G trình bày. Sau khi thống nhất nợ hui là 48.000.000 đồng thì bà X và ông H2 có trả được 3.000.000 đồng, còn lại 45.000.000 đồng. Nay bà X đồng ý trả cho Lê Thị Hồng G nợ hui 41.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh X thừa nhận bà Bé C có chơi hui đúng như bà Bé C trình bày. Nay bà X đồng ý trả cho bà C số tiền nợ hui 13.350.000 đồng.

Quá trình làm hui thì bà X có tổ chức bốc thăm, khui hui ngay tại quán cà phê giải khát ở nhà của vợ chồng bà X, ông H2. Ông H2 cũng biết, có tham gia đi gom tiền hui sống, tổ chức bốc thăm khui hui dùm cho bà X. Bà X có sử dụng tiền lời, tiền hoa hồng chơi hui vào việc chi tiêu mua sắm buôn bán lo lắng cho chồng con, cho kinh tế gia đình. Nhưng nay bà X không yêu cầu ông H2 liên đới cùng với bà X trả nợ hui cho các nguyên đơn.

*Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Thạch H2 trình bày:*

Ông H2 biết bà X làm chủ hui của nhiều dây hui. Lúc đầu bà X làm hui nhỏ thì ông H2 không phản đối, sau đó bà X làm hui lớn thì ông H2 có can ngăn nhưng bà X không nghe. Ông H2 có đi thu gom hui, tổ chức bốc thăm khui hui cho bà X một vài lần. Ông H2 không biết bà X có sử dụng tiền hui vào việc chi tiêu mua sắm, sinh hoạt, lo lắng kinh tế trong gia đình hay không. Ông H2 xác định nợ hui là nợ riêng của bà X. Nay ông H2 không đồng ý liên đới trả nợ hui với bà X mà chỉ tự nguyện hỗ trợ bà X trả nợ theo khả năng của ông H2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

Chấp nhận các yêu cầu của các nguyên đơn: Võ Ngọc T1, Nguyễn Thị Kim N1, Phan Thị Minh T2, Nguyễn Ngọc D1, Hồ Thị N2, Trương Thị L1, Lê Thị Hồng G, Nguyễn Thị Bé C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phạm Thạch H2 liên đới trả nợ hui.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phạm Thạch H2 liên đới trả cho các nguyên đơn nợ hui, cụ thể như sau:

- 1/. Bà Võ Ngọc T1 nợ hui là 5.655.000 đồng.
- 2/. Bà Nguyễn Thị Kim N1 nợ hui là 9.000.000 đồng.
- 3/. Bà Phan Thị Minh T2 nợ hui là 7.000.000 đồng.
- 4/. Bà Nguyễn Ngọc D1 nợ hui là 6.000.000 đồng
- 5/. Bà Hồ Thị N2 nợ hui là 20.000.000 đồng.

6/. Bà Trương Thị L1 nợ hui là 55.300.000 đồng.

7/. Bà Lê Thị Hồng G nợ hui là 41.000.000 đồng.

8/. Bà Nguyễn Thị Bé C nợ hui là 13.350.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn: Nguyễn Thị Thanh X và Phạm Thạch H2 phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 7.865.250 đồng.

- Các nguyên đơn: Võ Ngọc T1, Nguyễn Thị Kim N1, Phan Thị Minh T2, Nguyễn Ngọc D1, Hồ Thị N2, Trương Thị L1, Lê Thị Hồng G, Nguyễn Thị Bé C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho các nguyên đơn: Võ Ngọc T1, Nguyễn Thị Kim N1, Phan Thị Minh T2, Nguyễn Ngọc D1, Hồ Thị N2, Trương Thị L1, Lê Thị Hồng G, Nguyễn Thị Bé C toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, cụ thể như sau:

1/. Bà Võ Ngọc T1 tạm ứng án phí là 300.000 đồng (biên lai số 10989 ngày 25/7/2017).

2/. Bà Nguyễn Thị Kim N1 tạm ứng án phí là 300.000 đồng (biên lai số 10990 ngày 25/7/2017).

3/. Bà Phan Thị Minh T2 tạm ứng án phí là 300.000 đồng (biên lai số 10991 ngày 25/7/2017)

4/. Bà Nguyễn Ngọc D1 tạm ứng án phí là 300.000 đồng (biên lai số 10986 ngày 25/7/2017).

5/. Bà Hồ Thị N2 tạm ứng án phí là 500.000 đồng (biên lai số 10987 ngày 25/7/2017).

6/. Bà Trương Thị L1 tạm ứng án phí 1.382.500 đồng (biên lai số 10988 ngày 25/7/2017).

7/. Bà Lê Thị Hồng G tạm ứng án phí là 1.025.000 đồng (biên lai số 10983 ngày 25/7/2017).

8/. Bà Nguyễn Thị Bé C tạm ứng án phí là 350.000 đồng (biên lai số 10984 ngày 25/7/2017).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, bị đơn Phạm Thạch H2 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phạm Thạch H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Võ Ngọc T1, Nguyễn Thị Kim N1, Phan Thị Minh T2, Nguyễn Ngọc D1,

Hồ Thị N2, Trương Thị L1, Lê Thị Hồng G, Nguyễn Thị Bé C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về vụ án: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thạch H2; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa ngày 16/10/2018 và ngày 23/10/2018, Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc H1, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phạm Thạch H2 có mặt tại phiên tòa.

[2] Theo nội dung đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phạm Thạch H2 trình bày: Ông H2 biết bà X làm chủ hội của nhiều dây hội. Lúc đầu bà X làm hội nhỏ thì ông H2 không phản đối, sau đó bà X làm hội lớn thì ông H2 có can ngăn nhưng bà X không nghe. Ông H2 có đi thu gom hội. Ông H2 không biết bà X có sử dụng tiền hội vào việc chi tiêu mua sắm, sinh hoạt, lo lắng kinh tế trong gia đình hay không. Ông H2 xác định nợ hội là nợ riêng của bà X. Nay ông H2 không đồng ý liên đới trả nợ hội với bà X mà chỉ tự nguyện hỗ trợ bà X trả nợ theo khả năng của ông H2.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Thị Thanh X thừa nhận và thống nhất với những lời trình bày của các nguyên đơn về quá trình các nguyên đơn tham gia chơi các dây hội do bà X làm chủ hội. Bà X cũng thống nhất với các nguyên đơn về các số tiền nợ hội còn phải trả cho các nguyên đơn và đồng ý trả cho:

- Bà Võ Ngọc T1 số tiền hội là 5.655.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Kim N1 nợ hội là 9.000.000 đồng.
- Bà Phan Thị Minh T2 nợ hội là 7.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Ngọc D1 nợ hội là 6.000.000 đồng
- Bà Hồ Thị N2 nợ hội là 20.000.000 đồng.
- Bà Trương Thị L1 nợ hội là 55.300.000 đồng.
- Bà Lê Thị Hồng G nợ hội là 41.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Bé C nợ hội là 13.350.000 đồng.

Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật nên các nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh X trả nợ hụi như trên là có căn cứ chấp nhận.

[4] Các Nguyên đơn: Võ Ngọc T1, Nguyễn Thị Kim N1, Phan Thị Minh T2, Nguyễn Ngọc D1, Hồ Thị N2, Trương Thị L1, Lê Thị Hồng G, Nguyễn Thị Bé C (cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc H1) yêu cầu ông Phạm Thạch H2 liên đới trả nợ hụi với bà Nguyễn Thị Thanh X nhưng ông H2 cũng không đồng ý liên đới trả nợ hụi với bà X, còn bà X cũng không yêu cầu ông H2 liên đới trả nợ hụi.

[5] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu trên của ông H2 là không có căn cứ nên không được chấp nhận; bởi lẽ: Tại phiên tòa phúc thẩm ông H2 không có chứng cứ gì để chứng minh việc bà X làm chủ hụi là do cá nhân bà X và không liên quan gì đến ông H2. Bà X và ông H2 là vợ chồng có đăng ký kết hôn và được UBND xã T.N.Đ (huyện C, tỉnh Đồng Tháp) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/8/2004, bà X tổ chức làm chủ hụi các dây hụi ngay tại quán cà phê ở nhà của vợ chồng bà X, ông H2 trong thời gian dài, ông H2 biết rõ việc bà X tổ chức và làm chủ hụi nhiều dây hụi, ông H2 có tham gia thu gom tiền hụi, tổ chức bốc thăm khui hụi dùm bà X. Bà X cũng thừa nhận có sử dụng tiền lời hụi, tiền hoa hồng hụi vào việc chi tiêu mua sắm, sinh hoạt, buôn bán, lo lắng kinh tế gia đình. Như vậy, các nguyên đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh X và ông Phạm Thạch H2 liên đới trả nợ hụi cho các nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Ông H2 cho rằng các khoản nợ hụi là nợ riêng của bà X, ông H2 không có trách nhiệm, không liên quan đến các khoản nợ hụi và không đồng ý liên đới trả nợ hụi với bà X là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của ông H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc bà X và ông H2 phải có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn số tiền hụi còn nợ trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[8] Về án phí:

- Do yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho các nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phạm Thạch H2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ hụi theo quy định pháp luật. Đồng thời bị đơn Phạm Thạch H2 còn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng do không được chấp nhận kháng cáo (ông H2 đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 471, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 17, Điều 18, Điều 24 đến Điều 31 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hội, họ, biểu, phường.
- Căn cứ các Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Thạch H2.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Võ Ngọc T1, Nguyễn Thị Kim N1, Phan Thị Minh T2, Nguyễn Ngọc D1, Hồ Thị N2, Trương Thị L1, Lê Thị Hồng G, Nguyễn Thị Bé C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phạm Thạch H2 liên đới trả nợ hội.
4. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phạm Thạch H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho: Bà Võ Ngọc T1 nợ hội là 5.655.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim N1 nợ hội là 9.000.000 đồng; bà Phan Thị Minh T2 nợ hội là 7.000.000 đồng; bà Nguyễn Ngọc D1 nợ hội là 6.000.000 đồng; bà Hồ Thị N2 nợ hội là 20.000.000 đồng; bà Trương Thị L1 nợ hội là 55.300.000 đồng; bà Lê Thị Hồng G nợ hội là 41.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Bé C nợ hội là 13.350.000 đồng.
5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.
6. Về án phí:
  - Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Phạm Thạch H2 phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 7.865.250 đồng.
  - Các nguyên đơn: Võ Ngọc T1, Nguyễn Thị Kim N1, Phan Thị Minh T2, Nguyễn Ngọc D1, Hồ Thị N2, Trương Thị L1, Lê Thị Hồng G, Nguyễn Thị Bé C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
  - Hoàn trả lại cho các nguyên đơn: Võ Ngọc T1, Nguyễn Thị Kim N1, Phan Thị Minh T2, Nguyễn Ngọc D1, Hồ Thị N2, Trương Thị L1, Lê Thị Hồng G, Nguyễn Thị Bé C toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, cụ thể như sau:

+ Hoàn trả cho bà Võ Ngọc T1 tạm ứng án phí là 300.000 đồng (biên lai số 10989 ngày 25/7/2017).

+ Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim N1 tạm ứng án phí là 300.000 đồng (biên lai số 10990 ngày 25/7/2017).

+ Hoàn trả cho bà Phan Thị Minh T2 tạm ứng án phí là 300.000 đồng (biên lai số 10991 ngày 25/7/2017).

+ Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc D1 tạm ứng án phí là 300.000 đồng (biên lai số 10986 ngày 25/7/2017).

+ Hoàn trả cho bà Hồ Thị N2 tạm ứng án phí là 500.000 đồng (biên lai số 10987 ngày 25/7/2017).

+ Hoàn trả cho bà Trương Thị L1 tạm ứng án phí 1.382.500 đồng (biên lai số 10988 ngày 25/7/2017).

+ Hoàn trả cho bà Lê Thị Hồng G tạm ứng án phí là 1.025.000 đồng (biên lai số 10983 ngày 25/7/2017).

+ Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé C tạm ứng án phí là 350.000 đồng (biên lai số 10984 ngày 25/7/2017).

- Ông Phạm Thạch H2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 03337 ngày 27/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp (ông H2 đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Ngọc Giao**